

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

Lê Anh Tuấn

**Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh
vực chứng khoán: thực trạng, kinh nghiệm quốc tế và
hướng hoàn thiện**

Chuyên ngành: Luật quốc tế

Mã số: 603860

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2010

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: Tiến sỹ Lê Văn Bình

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa
Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 200....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Pháp luật về chứng khoán của nước ta mới hình thành cho nên có nhiều bất cập. Thị trường chứng khoán lại luôn vận động và phát triển phù hợp với sự vận động của nền kinh tế quốc dân và sự hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay đang đặt ra nhu cầu sớm hoàn thiện các quy định pháp luật về thị trường chứng khoán. Tuy là một nhóm chủ thể rất quan trọng có tính định hướng cho thị trường nhưng hiện nay các quy định về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn nhiều tồn tại ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài thông qua thị trường chứng khoán. Nên cần thiết phải có nghiên cứu có tính hệ thống về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực chứng khoán là vấn đề mới trong pháp luật Việt Nam. Nó được quy định rải rác trong một số văn bản pháp luật như Luật đầu tư, Luật chứng khoán và một số văn bản dưới luật.

Hiện nay chưa có nghiên cứu một cách có hệ thống về vấn đề này. Chỉ có những bài viết, bài báo nêu và bình luận về một số nội dung cụ thể của địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận văn

- Mục đích nghiên cứu của luận văn: Làm rõ các vấn đề về đầu tư; nhà đầu tư nước ngoài; thị trường chứng khoán; địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán; về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

- Nhiệm vụ của luận văn: Để đạt được mục đích trên, tác giả đặt ra các nhiệm vụ sau:

+ Trình bày và phân tích có hệ thống các quy định hiện hành của Việt Nam về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán.

+ Chỉ ra những tồn tại trong những quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

+ Đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

- Đối tượng nghiên cứu: Các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán .

- Phạm vi nghiên cứu: Thị trường chứng khoán bao gồm thị trường cổ phiếu và thị trường trái phiếu. Luận văn chỉ đề cập sâu đến địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trong việc mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nhưng cũng có đề cập một số nội dung liên quan đến việc mua bán trái phiếu, chứng chỉ quỹ . . .

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận văn này, tác giả sử dụng phương pháp luận là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên nền tảng phương pháp luận đó tác giả áp dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp hệ thống, thống kê, phân tích, so sánh và tổng hợp.

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài

1.1 . Khái niệm nhà đầu tư nước ngoài

1.1.1. Người nước ngoài

Người nước ngoài tại Việt Nam có thể hiểu là: Là người không có quốc tịch Việt Nam và họ có thể cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam.

1.1.2. Tổ chức nước ngoài

Tổ chức nước ngoài với tư cách là chủ thể của Tư pháp quốc tế tham gia các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài có thể là pháp nhân nước ngoài, các quốc gia, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ. . . Tuy nhiên, pháp nhân là tổ chức nước ngoài chủ yếu, phổ biến nhất khi tham gia quan hệ Tư pháp quốc tế.

Pháp nhân là một tổ chức nhất định của con người, được pháp luật quy định có quyền năng chủ thể. Không phải tổ chức nào cũng là pháp nhân. Chỉ những tổ chức được thành lập theo trình tự thủ tục và có đủ điều kiện do Nhà nước quy định hoặc tồn tại trên thực tế được Nhà nước công nhận mới có tư cách pháp nhân [10, trang 94]

Pháp luật Việt Nam đã gián tiếp thừa nhận nguyên tắc xác định quốc tịch của pháp nhân tùy thuộc vào nước, nơi pháp nhân được thành

lập. Theo tinh thần này thì các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam là pháp nhân mang quốc tịch Việt Nam. Những pháp nhân không mang quốc tịch Việt Nam đều được coi là pháp nhân nước ngoài.

1.1.3. Nhà đầu tư nước ngoài

1.1.3.1. Vai trò của nhà đầu tư nước ngoài

Ngày nay, vai trò của các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng trở nên quan trọng, họ là lực lượng tổ chức phân công lao động trên phạm vi thế giới, là lực lượng phát huy có hiệu quả lợi thế so sánh của các quốc gia; thúc đẩy dòng vốn vận động trên toàn cầu và đóng góp quan trọng cho sự phát triển của một số quốc gia. Bên cạnh những tác động tích cực thì đầu tư nước ngoài nhất là đầu tư gián tiếp có thể tạo ra bong bóng tài chính ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái của các quốc gia. Bài học từ Khủng hoảng tài chính 1997 tại châu Á là một minh chứng cho tác động này

1.1.3.2. Những khái niệm liên quan đến đầu tư

Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư.

Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

Đầu tư gián tiếp là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

1.1.3.3. Nhà đầu tư nước ngoài

Tại khoản 5, điều 3 Luật đầu tư đã quy định : “ Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài bỏ vốn để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam”.

Như vậy nhà đầu tư nước ngoài có 03 đặc điểm:

+ Là tổ chức, cá nhân nước ngoài

+ Bỏ vốn để thực hiện đầu tư

+ Hoạt động đầu tư thực hiện tại Việt Nam.

1.2. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài

1.2.1. Khái niệm địa vị pháp lý của người nước ngoài

Tổng hợp tất cả các yếu tố như quyền năng chủ thể của người nước ngoài, quyền nghĩa vụ pháp lý, lợi ích hợp pháp của người nước ngoài, các biện pháp pháp lý bảo đảm thực hiện quyền nghĩa vụ pháp lý

cũng như lợi ích hợp pháp của người nước ngoài . . . cấu thành địa vị pháp lý của người nước ngoài [9, trang 113]

1.2.2. Nguyên tắc xác định địa vị pháp lý của người nước ngoài

+ Chế độ đãi ngộ như công dân

+ Chế độ tối huệ quốc

+ Chế độ đãi ngộ đặc biệt

+ Chế độ có đi có lại và chế độ báo phục quốc

1.2.3 Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài

Hiện nay, đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, pháp luật Việt Nam quy định địa vị pháp lý của họ dựa trên chế độ tối huệ quốc.

1.3. Thị trường chứng khoán

1.3.1 Khái niệm thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán trong điều kiện của nền kinh tế hiện đại, được quan niệm là nơi diễn ra các hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán trung và dài hạn. Việc mua bán này được tiến hành ở thị trường sơ cấp khi người mua mua được chứng khoán lần đầu từ những người phát hành, và ở những thị trường thứ cấp khi có sự mua đi bán lại các chứng khoán đã được phát hành ở thị trường sơ cấp [[http:// www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn)].

1.3.2. Chức năng cơ bản của thị trường chứng khoán

Huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế; Cung cấp môi trường đầu tư cho công chúng; Tạo tính thanh khoản cho các chứng khoán; Đánh giá hoạt động của doanh nghiệp; Tạo môi trường giúp Chính phủ thực hiện các chính sách vĩ mô:

1.3.3. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán

* Nhà phát hành

* Nhà đầu tư

* Các tổ chức kinh doanh trên thị trường chứng khoán

* Các tổ chức có liên quan đến thị trường chứng khoán

1.3.4 Nguyên tắc hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán

- Tôn trọng quyền tự do mua, bán, kinh doanh và dịch vụ chứng khoán của tổ chức, cá nhân.

- Công bằng, công khai, minh bạch.

- Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

- Tự chịu trách nhiệm về rủi ro.

- Tuân thủ quy định của pháp luật (điều 4- Luật chứng khoán)

1.3.5. Cấu trúc và phân loại cơ bản của thị trường chứng khoán

* Căn cứ vào sự luân chuyển các nguồn vốn

Thị trường chứng khoán được chia thành thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

* Căn cứ vào phương thức hoạt động của thị trường

Thị trường chứng khoán được phân thành thị trường tập trung (Sở giao dịch chứng khoán) giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung và phi tập trung (thị trường OTC).

* Căn cứ vào hàng hoá trên thị trường

- Thị trường cổ phiếu:

- Thị trường trái phiếu:

- Thị trường các công cụ chứng khoán phái sinh

1.4. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam là tổng hợp tất cả các yếu tố như quyền năng chủ thể của tổ chức cá nhân nước ngoài, quyền nghĩa vụ pháp lý, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nước ngoài, các biện pháp pháp lý bảo đảm thực hiện quyền nghĩa vụ pháp lý cũng như lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nước ngoài khi họ tham gia đầu tư thị trường chứng khoán Việt Nam.

Phạm vi thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm:

* Mua bán cổ phiếu, trái phiếu khi các doanh nghiệp chào bán chứng khoán ra công chúng. Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng

* Mua bán chứng khoán khi các doanh nghiệp chào bán chứng khoán riêng lẻ

* Mua bán chứng khoán đã phát hành của các công ty đại chúng đã niêm yết tại HOSE, HNX (giao dịch tập trung)

* Mua bán chứng khoán đã phát hành trên thị trường OTC.

1.5. Áp dụng điều ước quốc tế và pháp luật nước ngoài trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán.

Theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư và chứng khoán thì như thông lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam là ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế khi điều ước quốc tế có quy định khác Luật đầu tư và Luật chứng khoán.

Riêng trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài các bên có thể thoả thuận áp dụng pháp luật nước ngoài và tập quán quốc tế trong trường hợp:

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

2.1. Các văn bản pháp luật điều chỉnh địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

- * Luật đầu tư
 - * Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.
 - * Luật chứng khoán.
 - * Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/1/2007 của Chính phủ hướng dẫn quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán. =
 - * Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước
 - * Quyết định số 88/2009/QĐ -TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.
 - * Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng chính phủ Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
 - * Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Đây là văn bản chứa đựng nhiều nội dung liên quan đến địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.
- Ngoài các văn bản trên còn có một số văn bản khác liên quan đến việc xác định địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán .
- Như vậy đặc điểm nguồn điều chỉnh địa vị pháp lý nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tồn tại ở nhiều văn bản nhưng không có văn bản nào quy định tập trung. Mỗi văn bản chỉ chứa đựng một số hoặc nhiều quy định liên quan đến địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Do đó việc tìm hiểu và áp dụng pháp luật sẽ rất khó khăn, phức tạp. Hơn nữa, nhiều vấn đề các văn bản quy định khác nhau, nhiều lĩnh vực không có văn bản điều chỉnh nên thực tế thi hành gặp nhiều vướng mắc.

2.2. Khái niệm nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán

Các văn bản pháp luật về đầu tư và chứng khoán có quy định khác nhau về khái niệm nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán

* Điều 5, điều 3 Luật đầu tư quy định:

“ Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài bỏ vốn để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam”

Như vậy, Luật đầu tư đưa ra định nghĩa nhà đầu tư nước ngoài một cách chung chung, chưa chỉ ra phạm vi cụ thể. Từ các quy định này chúng ta có thể hiểu nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán là:

+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài tức tổ chức, cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

+ và thực hiện hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán.

* Quyết định số 88/2009/QĐ -TTg và Quyết định 55/2009/QĐ-TTg quy định:

Nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Quy chế này bao gồm tổ chức và cá nhân nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam;

b) Tổ chức thành lập và hoạt động ở Việt Nam có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%.

c) Quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%.

d) Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.”

* Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ban hành quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán quy định tại điều 2:

“ Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm:

a) Cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam, bao gồm cả người gốc Việt Nam có quốc tịch nước ngoài;

b) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của tổ chức này, bao gồm cả chi nhánh hoạt động tại Việt Nam;

c) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có 100% vốn góp nước ngoài và các chi nhánh của tổ chức này;

d) Quỹ đầu tư thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và các quỹ đầu tư thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có 100% vốn góp nước ngoài;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”

Như vậy, trong các văn bản pháp luật hiện hành, khái niệm nhà đầu tư nước ngoài được quy định không thống nhất.

Về nhà đầu tư tổ chức: theo quy định của Luật đầu tư đó là các tổ chức nước ngoài. Theo quyết định 88/2009/QĐ- TTg và 55/2009/QĐ-TTg, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài còn bao gồm cả các pháp nhân Việt Nam: doanh nghiệp liên doanh bên nước ngoài sở hữu trên 49% cổ phần, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

Về cá nhân, Luật đầu tư, các quyết định 88/2009/QĐ-TTg và 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả người không quốc tịch nhưng quyết định 121/2008/QĐ-BTC lại không nhắc đến người không quốc tịch.

Các nhà đầu tư là cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được quy định rõ là nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài.

2.3. Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Sự giống nhau giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp ở chỗ đều là hình thức đầu tư tức là cách thức bỏ vốn đầu tư để thu lợi nhuận của nhà đầu tư.

Sự khác nhau:

| Nội dung | Đầu tư trực tiếp | Đầu tư gián tiếp |
|-----------|---|---|
| Khái niệm | là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư. | Là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư |
| Bản chất | Đầu tư làm gia tăng năng lực sản xuất. | Đầu tư tài chính |

| Tham gia quản lý doanh nghiệp – khác biệt cơ bản nhất | Có | Không |
|---|--|---|
| Hình thức đầu tư | <ol style="list-style-type: none"> Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư trong nước hoặc 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT. Đầu tư phát triển kinh doanh. Mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư. Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp. Các hình thức đầu tư trực tiếp khác. | <ol style="list-style-type: none"> Mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; Thông qua quỹ đầu tư chứng khoán; Thông qua các định chế tài chính trung gian khác. |
| Thủ tục đầu tư | Gắn với việc thành lập doanh nghiệp và dự án đầu tư | Chủ yếu thông qua thị trường chứng khoán. |
| Thời gian đầu tư | Lâu theo dõi dự án đầu tư | Rất nhanh chóng |

| | | |
|-----------------------|---|---|
| Văn bản điều chỉnh | Luật đầu tư và Nghị định 108/2006/NĐ-CP | Luật đầu tư, Quyết định 88/2009/QĐ- TTg và 55/2005/QĐ-TTg |
|-----------------------|---|---|

Mối liên hệ giữa đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và đầu tư chứng khoán.

+ Hình thức chủ yếu của đầu tư gián tiếp là đầu tư chứng khoán. Có đầu tư gián tiếp không phải là đầu tư chứng khoán như góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn.

+ Có đầu tư trực tiếp được thực hiện thông qua thị trường chứng khoán như mua cổ phần để tham gia quản lý hoạt động đầu tư mà hoạt động mua cổ phần được thực hiện thông qua thị trường chứng khoán.

2.4. Chính sách và các bảo đảm đối với nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

2.4.1. Chính sách đối với nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán

Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng và khuyến khích hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Xác định cùng với đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp thông qua thị trường chứng khoán có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài phát triển kinh tế đất nước. Nhà nước đã ban hành nhiều đạo luật để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo mọi điều kiện thuận lợi và ưu đãi đối với hoạt động đầu tư nói chung và đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán nói riêng. Tạo sân chơi bình đẳng giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Đối với các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, nhà nước có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư tham gia thị trường như quy định thủ tục tham gia thị trường đơn giản; đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và tạo nhiều hàng hoá trên thị trường chứng khoán; nhanh chóng hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về thị trường chứng khoán; miễn giảm thuế; tăng cường giám sát, xử lý vi phạm để bảo vệ nhà đầu tư. . . Trong những năm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã vận hành tích cực là kênh huy động vốn, đầu tư có hiệu quả cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư.

2.4.2. Bảo đảm đầu tư

- * Bảo đảm về vốn và tài sản
- * Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
- * Mở cửa thị trường, đầu tư liên quan đến thương mại
- * Chuyển vốn, tài sản ra nước ngoài

- * Áp dụng giá, phí, lệ phí thống nhất
- * Bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách
- * Bảo đảm quyền được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp.

2.5. Quy chế pháp lý nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

2.5.1. Tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Đây là quy định quan trọng nhất thể hiện quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào thị trường chứng khoán.

Đây cũng là quy định thể hiện rõ chính sách thu hút vốn đầu tư gián tiếp thông qua thị trường chứng khoán của mỗi quốc gia. Nó là công cụ điều chỉnh dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào thị trường vốn của mỗi quốc gia.

Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán các quy định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán ngày càng hoàn thiện theo hướng nâng cao tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

* *Quyết định số 88/2009/QĐ – TTg và Quyết định 55/2009/QĐ – TTg quy định về nội dung này như sau:*

- Đối với cổ phiếu của công ty đại chúng tỷ lệ tối đa là 49%.
- Đối với cổ phiếu của các loại công ty cổ phần khác là không hạn chế trừ trường hợp:

+ Lĩnh vực, ngành nghề quy định tỷ lệ riêng thì áp dụng theo quy định riêng đó. Trường hợp kinh doanh đa ngành, lĩnh vực thì tỷ lệ sở hữu tối đa được xác định là tỷ lệ ở ngành, lĩnh vực thấp nhất. Ví dụ lĩnh vực ngân hàng tối đa 30%

+ Đối với các công ty kinh doanh thương mại dịch vụ thì tỷ lệ sở hữu tuân theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việt Nam đã gia nhập WTO, trong biểu cam kết dịch vụ có quy định cụ thể về lộ trình mở cửa thị trường trong lĩnh vực này. Nhìn chung theo biểu cam kết hiện tại mức mở cửa thị trường tối thiểu là 49%.

2.5.2. Các quyền của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

2.5.2.1. Tự chủ đầu tư, kinh doanh

2.5.2.2. Tiếp cận thông tin

2.5.2.3. Quyền chuyển quyền sở hữu, cầm cố chứng khoán

2.5.2.4. Quyền của người sở hữu chứng khoán

2.5.2.5. Quyền được bảo mật thông tin

2.5.2.6. Quyền mở tài khoản ngoại tệ, mua, bán ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư

2.5.2.7. Quyền khiếu nại, tố cáo và khởi kiện

2.5.3. Các nghĩa vụ nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam

2.5.3.1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam

2.5.3.2. Không được thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của Luật chứng khoán

2.5.3.3. Nghĩa vụ công bố thông tin

2.6. Thủ tục tham gia thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

* Đăng ký Mã số giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

* Mở tài khoản ngoại tệ

* Mở Tài khoản lưu ký

2.7. Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt nam tại Việt Nam

2.7.1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

2.7.2. Chi nhánh, Văn phòng đại diện Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

2.7.3. Công ty đầu tư chứng khoán nước ngoài

CHƯƠNG 3

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

3.1. Kinh nghiệm quốc tế trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán

3.1.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán ở một số nước.

Để đạt được mục tiêu này các quốc gia đều có chính sách để thu hút vốn đầu tư nước ngoài qua kênh thị trường chứng khoán trong đó thể hiện rõ quan điểm khuyến khích dòng vốn này thông qua việc tạo các điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán, đồng thời ngày càng tạo thêm tính hấp dẫn cho đầu tư chứng khoán

như nâng dần tỷ lệ tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán, tạo nhiều hàng hoá hấp dẫn cho thị trường chứng khoán. Trong pháp luật của các quốc gia này đều thể hiện địa vị quan trọng của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, bên cạnh việc khuyến khích các quốc gia này luôn quan tâm đến việc bất ổn của dòng vốn này và những tác động tiêu cực của nó khi xảy ra khủng hoảng thông qua việc có những biện pháp cần thiết tránh thoái vốn ồ ạt, khuyến khích đầu tư dài hạn thông qua thị trường chứng khoán.

3.1.2. Kinh nghiệm của Ấn Độ trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán

Ấn Độ và Việt Nam cùng được xếp hạng là nhóm các quốc gia mới nổi. Tuy lịch sử phát triển thị trường chứng khoán của Ấn Độ chưa dài, mức độ mở cửa nền kinh tế còn giới hạn và đang trong lộ trình hội nhập toàn cầu nhưng Ấn Độ đã đạt được những thành công nhất định trong thu hút, quản lý vốn đầu tư nước ngoài thông qua thị trường chứng khoán .

* Vốn đầu tư nước ngoài thu hút vào thị trường chứng khoán Ấn Độ tăng trưởng bền vững

Nguyên nhân là Ấn Độ có: Chính sách thu hút và quản lý vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán hợp lý

- Nền tảng kinh tế vững, sức hấp dẫn từ giá trị của các công ty trên thị trường.

- Luôn chú trọng nâng cao chuẩn mực pháp lý, chuẩn mực kế toán, cơ chế quản lý rủi ro và chống rửa tiền, sự điều tiết hợp lý của chính phủ.

- Đa dạng nguồn cung thị trường và đưa ra các sản phẩm phái sinh

* Một số kinh nghiệm rút ra từ chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán của Ấn Độ

Có lộ trình mở room cho nhà đầu tư nước ngoài thích hợp với tình trạng phát triển của thị trường chứng khoán và khả năng quản lý.

Quan tâm tới rủi ro và đề ra các biện pháp hạn chế rủi ro đối với vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán . Đặc thù trong chính sách quản lý vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán của Ấn Độ là theo dõi sự vận động của nó thông qua tài khoản thứ cấp và giấy chứng nhận góp vốn hiện chưa được triển khai ở Việt Nam.

Luôn chú ý cải thiện môi trường vĩ mô để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán .

3.2. Hướng hoàn thiện pháp luật về thị trường chứng khoán và địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt nam

3.2.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài qua thị trường chứng khoán

Tính đến tháng 5/2010, khoảng 13.000 tài khoản giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài (chiếm 1,5% số tài khoản nhà đầu tư trong nước), trong đó có trên 1.200 tài khoản là của tổ chức và các quỹ nước ngoài nhưng khối lượng giao dịch lại chiếm tới 20-25% với giá trị danh mục chứng khoán tại thời điểm hiện tại khoảng trên 6 tỷ USD...

nhà đầu tư nước ngoài ngày càng quan tâm đến thị trường chứng khoán Việt nam.

3.2.2 Định hướng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến 2020

* Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, đồng bộ, vững chắc thị trường vốn Việt Nam, trong đó thị trường chứng khoán đóng vai trò chủ đạo; Phân đấu đến năm 2020, thị trường vốn Việt Nam phát triển tương đương thị trường các nước trong khu vực.

-. Mục tiêu cụ thể

Phát triển thị trường vốn đa dạng để đáp ứng nhu cầu huy động vốn và đầu tư của mọi đối tượng trong nền kinh tế. Phân đấu đến năm 2010 giá trị vốn hoá thị trường chứng khoán đạt 50% GDP và đến năm 2020 đạt 70% GDP.

* Các giải pháp thực hiện

+ **Phát triển hệ thống nhà đầu tư trong và ngoài nước:**

Khuyến khích các định chế đầu tư chuyên nghiệp (ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm...) tham gia đầu tư trên thị trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện lộ trình mở cửa đối với các nhà đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài vào thị trường Việt Nam theo lộ trình đã cam kết;

Đa dạng hoá các loại hình quỹ đầu tư; tạo điều kiện cho phép Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tiết kiệm bưu điện,... tham gia đầu tư trên thị trường vốn; từng bước phát triển, đa dạng hoá các quỹ hưu trí để thu hút các vốn dân cư tham gia đầu tư; khuyến khích việc thành lập các quỹ đầu tư ở nước ngoài đầu tư dài hạn vào thị trường Việt Nam.

+ Hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước:

+ Chủ động mở cửa, hội nhập với khu vực và quốc tế:

Thực hiện mở cửa từng bước thị trường vốn cho nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình hội nhập đã cam kết, đồng thời đảm bảo kiểm soát được luồng vốn vào, vốn ra; mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế trên các mặt tư vấn chính sách, tư vấn pháp luật và phát triển thị trường;

Như vậy việc phát triển hệ thống các nhà đầu tư trong và ngoài nước và hoàn thiện khung pháp lý là một trong những giải pháp quan trọng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn tới.

3.2.3. Hướng hoàn thiện pháp luật về thị trường chứng khoán

Quá trình thực hiện Luật chứng khoán hiện hành nổi lên một số tồn tại:

- Một số nội dung mới phát sinh đòi hỏi phải có sự bổ sung và điều chỉnh (chào bán chứng khoán riêng lẻ; các sản phẩm chứng khoán mới; công bố thông tin, quản lý thị trường tự do) để có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển tiếp theo của thị trường;

- Một số điểm trong nội dung Luật như vấn đề xử phạt, chào mua công khai... qua quá trình triển khai có một số điểm bất cập cần có sự bổ sung, sửa đổi:

* Về hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ

* Về chào bán chứng khoán ra công chúng

- Bổ sung yêu cầu tổ chức phát hành phải có cam kết về việc đưa cổ phiếu vào niêm yết hoặc giao dịch tại thị trường chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán chứng khoán. Quy định này nhằm góp phần thu hẹp thị trường tự do, mở rộng thị trường có tổ chức.

-. Về chào bán chứng khoán của cổ đông lớn, cổ đông hiện hữu, chào bán chứng khoán của pháp nhân nước ngoài vào Việt Nam

* Về chào mua công khai

* Về Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

* Về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

* Về xử lý vi phạm

* Cần thiết tạo khung pháp lý cho thị trường chứng khoán phát sinh hình thành và phát triển

* Để tạo tính hấp dẫn cho thị trường chứng khoán cần thiết có một số sửa đổi sau:

+ Nói biên độ giao dịch tại HOSE lên 7%, HNX lên 10%, UPCOM lên 15%.

+ Cho phép nhà đầu tư trong nước mở nhiều tài khoản giao dịch, đối với nhà đầu tư là các Quỹ đầu tư nước ngoài thì cho phép mở 2 tài khoản giao dịch.

+ Cho phép mua bán cùng một cổ phiếu trong một phiên giao dịch.

+ Hiện đại hoá phương thức giao dịch để chuyển giao dịch cổ phiếu T+3 sang T+1 để tăng tính thanh khoản và luân chuyển vốn.

+ Kéo dài thời gian giao dịch sang từ 8 h 30 đến 15 h.

3.2.4 Hướng hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam

3.2.4.1 Về khái niệm nhà đầu tư nước ngoài

- Chưa có một khái niệm rõ ràng về nhà đầu tư nước ngoài nói chung, nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán nói riêng. Luật quy định không cụ thể nên các văn bản dưới luật quy định tùy tiện, không dựa trên tiêu chí nào.

- Chưa xác định rõ người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Việt kiều) là nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài. Trước đây, Luật khuyến khích đầu tư trong nước quy định Việt kiều có thể lựa chọn là nhà đầu tư nước ngoài hay nhà đầu tư trong nước để từ đó có chế độ pháp lý khác nhau. Việt kiều có thể là vẫn có quốc tịch Việt Nam; đã có quốc tịch nước ngoài; không có quốc tịch (trường hợp này sẽ phổ biến vì theo quy định tại Luật quốc tịch 2008: “ Điều 13. Người có quốc tịch Việt Nam: 2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn còn quốc tịch Việt Nam và trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực, phải đăng ký với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để giữ quốc tịch Việt Nam” – như vậy hết 5 năm, họ không đăng ký, họ không được nước sở tại cho nhập quốc tịch thì họ là người không có quốc tịch. Trong khi đó số lượng Việt kiều trên thế giới tương đối đông, có tiềm lực kinh tế, kinh nghiệm kinh doanh và nhiều người có nhu cầu đóng góp cho quê hương đất nước.

- Việc coi tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt nam; quỹ đầu tư, công ty chứng khoán có tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trên 49% cũng là nhà đầu tư nước ngoài như quyết định 55/2009/QĐ-TTg và 88/2009/QĐ-TTg là không phù hợp với lý luận về tổ chức cá nhân nước ngoài, không phù hợp với quy định của Luật đầu tư và Luật chứng khoán vì đây là các pháp nhân hoàn toàn Việt Nam. Quy chế pháp lý của nó theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, việc

không coi người không có quốc tịch là nhà đầu tư nước ngoài như quy định tại quyết định 121/2008/QĐ-BTC là không đầy đủ, là không đúng với các văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn làm cho một số lượng không nhỏ Việt kiều không được đầu tư trên thị trường chứng khoán vì họ không có quốc tịch nước nào cả.

Vì những lẽ trên, tác giả có kiến nghị là phải xác định rõ khái niệm nhà đầu tư nước ngoài nói chung và nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam. Cụ thể như sau:

+ Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cá nhân nước ngoài bao gồm tổ chức mang quốc tịch nước ngoài và cá nhân không mang quốc tịch Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

+ Không quy định nhà đầu tư nước ngoài gồm cả các tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam nhưng nhà đầu tư nước ngoài góp vốn trên 49%.

+ Có quy định rõ về địa vị pháp lý của nhà đầu tư là Việt kiều. Nên coi Việt kiều có quốc tịch nước ngoài là nhà đầu tư nước ngoài. Việt kiều không có quốc tịch là nhà đầu tư nước ngoài để khuyến khích họ nhập tịch Việt Nam. Người có nhiều quốc tịch trong đó có quốc tịch Việt Nam được lựa chọn là nhà đầu tư nước ngoài hoặc nhà đầu tư trong nước.

+ Các văn bản pháp luật cần phải quy định thống nhất khái niệm, không để tình trạng quy định không thống nhất như hiện nay. Cần thiết phải phải quy định trong đạo luật về khái niệm này.

3.2.4.2. Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Đánh giá về các quy định về tỷ lệ tham gia thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

* Quy định nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm giữ tối đa 49% cổ phiếu của công ty đại chúng là mâu thuẫn với quy định tại Nghị định 139/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp.

* Vẫn còn có sự bất bình đẳng giữa tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng và công ty cổ phần khác. Mặc dù xét về bản chất đó đều là công ty cổ phần.

Quyết định 55/2009/QĐ-TTg quy định tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng là tối đa 49%.

Quyết định 88/2009/QĐ-TTg quy định tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là không hạn chế trong công ty cổ phần không phải Công ty đại chúng trừ một số ngành, lĩnh vực có quy định cụ thể.

Trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh . . . nói tóm lại không hạn chế tỷ lệ vốn góp trừ một số ngành, lĩnh vực có quy định cụ thể.

Quy định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán (Room) thể hiện chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài thông qua thị trường chứng khoán của mỗi quốc gia. Xu thế chung là ngày càng nâng cao tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, đi sâu phân tích nội dung này thấy như sau:

+ Đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp đều là các loại hình đầu tư. Theo quy định của pháp luật hiện hành có sự chuyên hoá giữa hai loại hình đầu tư này. Nhà đầu tư trực tiếp chuyển nhượng phần vốn góp của mình và không tham gia quản lý doanh nghiệp nữa sẽ thành nhà đầu tư gián tiếp. Ngược lại, thông qua mua cổ phần của doanh nghiệp nhà đầu tư gián tiếp tham gia quản lý doanh nghiệp và thành nhà đầu tư trực tiếp.

+ Công ty đại chúng, nhất là các công ty đại chúng chưa niêm yết thì không khác nhiều các công ty cổ phần khác. Việc chuyển từ công ty cổ phần không phải công ty đại chúng sang công ty đại chúng rất đơn giản và việc niêm yết cổ phiếu của những công ty này cũng không phức tạp. Việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần theo quyết định 88/2009/QĐ-TTg là tham gia thị trường chứng khoán sơ cấp. Thị trường chứng khoán sơ cấp tạo nguồn hàng cho thị trường thứ cấp (thị trường niêm yết), nên việc quy định tỷ lệ nắm giữ hạn chế ở thị trường thứ cấp sẽ ảnh hưởng đến thị trường sơ cấp mà trực tiếp là quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước. Do đó việc quy định sự khác biệt về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài vô hình chung tạo rào cản chuyển từ công ty cổ phần thường sang công ty đại chúng khi những công ty cổ phần này có tỷ lệ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trên 49%.

+ Đến năm 2012, nhiều cam kết của Việt Nam trong WTO sẽ có hiệu lực, trong đó thị trường đầu tư sẽ phải mở cửa do đó tỷ lệ 49% buộc phải nâng lên để phù hợp với cam kết.

+ Việc mở “ Room” cho nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán lên trên 50% sẽ làm nâng cao vai trò của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Chấn chấn sẽ thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nếu nhà đầu tư nước ngoài nắm trên 50% cổ phần của doanh nghiệp, họ sẽ tham gia quản lý doanh nghiệp và thành nhà đầu tư trực tiếp.

* Chưa có hướng dẫn cụ thể xác định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực khi doanh nghiệp là công ty đại chúng.

+ Hiện nay có nhiều doanh nghiệp FDI chuyển đổi sang công ty cổ phần và đã có một số công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Hiện nay, quyết định 55/2009/QĐ-TTg đã bỏ quy định này dẫn đến tình trạng là các doanh nghiệp FDI không biết niêm yết kiểu gì. Ủy ban chứng khoán nhà nước chưa có văn bản hướng dẫn.

Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam tác giả có kiến nghị sau:

* Xem xét nâng cao tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty đại chúng (mở “room”) để phù hợp với tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Luật doanh nghiệp và nghị định 139/2007/NĐ-CP về tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài; phù hợp cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO và đặc biệt là tạo ra sự nhất thể hoá môi trường đầu tư nước ngoài không phân biệt đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp; đầu tư gián tiếp tại công ty cổ phần không phải công ty đại chúng và mua cổ phần của công ty đại chúng. Từ đó, thúc đẩy sự lưu thông vốn giữa các hình thức đầu tư để thúc đẩy thị trường vốn phát triển. Trước mắt, sớm có quy định về doanh nghiệp FDI chuyển đổi thành công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán.

3.2.4.3. Xây dựng quy chế pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam

* Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn không có một quy định nào về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư nói chung, nhà đầu tư nước ngoài nói riêng.

* Có nhiều văn bản điều chỉnh về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán nhưng không có văn bản nào là chủ đạo nên việc áp dụng gặp nhiều khó khăn.

* Cũng như thị trường chứng khoán Việt nam đang trong quá trình hình thành và phát triển, pháp luật về thị trường chứng khoán cũng vậy. Nhiều nội dung chưa có văn bản điều chỉnh; nhiều quy định chưa phù hợp, còn chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật còn có hiện tượng chưa nghiêm . . .

Về nội dung này, tác giả có kiến nghị như sau:

* Luật chứng khoán đang được sửa đổi bổ sung, cần có quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư khi tham gia thị trường chứng khoán. Đây sẽ là cơ sở, khung pháp lý để nhà đầu tư hoạt động trên thị trường

chứng khoán. Trên cơ sở quy định của Luật cần sớm ban hành quy chế pháp lý riêng của nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán. Việc này là cần thiết bởi vì:

+ Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán là nhóm chủ thể có đặc thù riêng và đây là nhóm chủ thể có vai trò quan trọng trong việc phát triển thị trường chứng khoán.

+ Hiện tại chưa có văn bản pháp lý nào quy định tập chung những nội dung về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài. Quyết định 88 và 55/2009/QĐ-TTg chỉ quy định về vấn đề tỷ lệ góp vốn; quyết định 121/2008/QĐ-BTC thiên về quy định các hình thức đầu tư chứng khoán, thủ tục tham gia thị trường của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam, hơn nữa quyết định 121/2008/QĐ-BTC chỉ là văn bản của cấp bộ nên giá trị pháp lý là chưa cao.

+ Quy định trong một văn bản riêng mới thể hiện hết được chính sách khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam đồng thời thể hiện rõ tính minh bạch của pháp luật thời kỳ hội nhập. Hiện tại, hoạt động đầu tư trực tiếp đã được quy định cụ thể và rất tập trung trong Luật đầu tư và Nghị định 108/2006/NĐ-CP.

+ Như trên đã phân tích, bản thân quyết định 88/2009/QĐ-TTg, 55/2009/QĐ-TTg chứa đựng một số quy định không hợp lý. Các quy định này sẽ có khả năng bị sửa đổi khi Việt Nam thực hiện cam kết khi gia nhập WTO.

+ Nhà đầu tư nước ngoài là những người chuyên nghiệp hơn các nhà đầu tư trong nước, họ có thể lách luật cho nên có quy chế pháp lý minh bạch sẽ hạn chế vấn đề này.

Quy chế pháp lý này phải chỉ rõ được các vấn đề sau đây:

- Khái niệm nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán
- Tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán.
- Chính sách và các bảo đảm đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán: tự do, tự chủ kinh doanh; tiếp cận thông tin; bảo mật thông tin; quyền của người chủ sở hữu chứng khoán.
- Hình thức và thủ tục tham gia thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

KẾT LUẬN

Nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam là lực lượng có đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Với vai trò như vậy nhà nước ta luôn coi trọng và có chính sách thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam thông qua thị trường chứng khoán.

Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán, quyền năng của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán cũng ngày càng được nâng lên. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để ngày càng mở rộng vai trò của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán như về nâng cao tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên do đặc điểm của thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán mới được hình thành nên việc pháp điển hoá chưa có hệ thống, nhiều quy định còn chồng chéo, nhiều chỗ chưa có quy định cụ thể.

Hiện nay các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán còn có một số tồn tại, hạn chế như chưa có một văn bản luật thể hiện tập trung địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán từ đó thể hiện rõ chính sách thu hút nguồn vốn này của Việt Nam; chưa xác định rõ khái niệm nhà đầu tư nước ngoài trong các văn bản pháp luật hiện hành; quy định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam chưa phù hợp.

+ Xây dựng một văn bản pháp luật điều chỉnh tập chung quy chế pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam.

+ Sửa đổi các quy định về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam phù hợp với quan điểm là tạo sự bình đẳng trong hoạt động đầu tư giữa các hình thức đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt nam tham gia.

+ Xác định rõ khái niệm nhà đầu tư nước ngoài trong các văn bản hiện hành.

+ Một số kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong đó có việc mau chóng sửa đổi Luật chứng khoán, sớm có những quy định là tăng tính hấp dẫn của thị trường chứng khoán như nới biên độ giao dịch, kéo dài thời hạn giao dịch tại HOSE và HNX . . .

MỤC LỤC

| | |
|--|---|
| MỞ ĐẦU | 1.3.5. Cấu trúc và phân loại cơ bản của thị trường chứng khoán |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài | 1.4. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng |
| 2. Tình hình nghiên cứu | khóan Việt Nam |
| 3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận văn | 1.5. Áp dụng điều ước quốc tế và pháp luật nước ngoài trong lĩnh vực |
| 4. Phương pháp nghiên cứu | đầu tư chứng khoán |
| CHƯƠNG I | CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA |
| TỔNG QUAN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC | NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG |
| NGOÀI VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN | KHOÁN |
| 1. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài | 2.1. Các văn bản pháp luật điều chỉnh địa vị pháp lý của nhà đầu tư |
| 1.1 | nước ngoài trên thị trường chứng khoán |
| 1.1.1. Người nước ngoài | 2.2. Khái niệm nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán |
| 1.1.2. Tổ chức nước ngoài | 2.3. Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và đầu tư trên |
| 1.1.3. Nhà đầu tư nước ngoài | thị trường chứng khoán |
| 1.1.3.1. Vai trò của nhà đầu tư nước ngoài | 2.4. Chính sách và các bảo đảm đối với nhà đầu tư nước ngoài trên thị |
| 1.1.3.2. Những khái niệm liên quan đến đầu tư | trường chứng khoán Việt Nam |
| 1.1.3.3. Nhà đầu tư nước ngoài | 2.4.1. Chính sách đối với nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng |
| 1.2. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài | khóan |
| 1.2.1. Khái niệm địa vị pháp lý của người nước ngoài | 2.4.2. Bảo đảm đầu tư |
| 1.2.2. Nguyên tắc xác định địa vị pháp lý của người nước ngoài | 2.5. Quy chế pháp lý nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng |
| 1.2.3. Địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài | khóan Việt Nam |
| 1.3. Thị trường chứng khoán | 2.5.1. Tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng |
| 1.3.1. Khái niệm thị trường chứng khoán | khóan Việt Nam |
| 1.3.2. Chức năng cơ bản của thị trường chứng khoán | 2.5.2. Các quyền của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng |
| 1.3.3. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | khóan Việt Nam |
| 1.3.4. Nguyên tắc hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán | 2.5.2.1. Tự chủ đầu tư, kinh doanh |
| | 2.5.2.2. Tiếp cận thông tin |

| | |
|--|---|
| 2.5.2.3. Quyền chuyển quyền sở hữu, cầm cố chứng khoán | CHƯƠNG 3: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN |
| 2.5.2.4. Quyền của người sở hữu chứng khoán..... | PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC |
| 2.5.2.5. Quyền được bảo mật thông tin..... | NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN |
| 2.5.2.6. Quyền mở tài khoản ngoại tệ, mua, bán ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư..... | 3.1. Kinh nghiệm quốc tế trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán |
| 2.5.2.7. Quyền khiếu nại, tố cáo và khởi kiện..... | 3.1.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán ở một số nước..... |
| 2.5.3. Các nghĩa vụ nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam | 3.1.2. Kinh nghiệm của Ấn Độ trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán..... |
| 2.5.3.1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam..... | 3.2. Hướng hoàn thiện pháp luật về thị trường chứng khoán và địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt nam |
| 2.5.3.2. Không được thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của Luật chứng khoán..... | 3.2.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài qua thị trường chứng khoán..... |
| 2.5.3.3. Nghĩa vụ công bố thông tin | 3.2.2 Định hướng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến 2020..... |
| 2.6. Thủ tục tham gia thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài..... | 3.2.3. Hướng hoàn thiện pháp luật về thị trường chứng khoán..... |
| 2.7. Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt nam tại Việt Nam | 3.2.4 Hướng hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam |
| 2.7.1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam..... | 3.2.4.1 Về khái niệm nhà đầu tư nước ngoài..... |
| 2.7.2. Chi nhánh, Văn phòng đại diện Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam..... | 3.2.4.2. Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam..... |
| 2.7.3. Công ty đầu tư chứng khoán nước ngoài..... | 3.2.4.3. Xây dựng quy chế pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam |
| | KẾT LUẬN..... |